ET 130-27

Dữ liệu đặc tính CRGO

Tóm tắt dữ liệu

Mác thép	ET 130-27
Nhà sản xuất và độ dày	Stalprodukt · 0.27 mm
Tần số có dữ liệu công bố	50 Hz / 60 Hz
Dải mật độ từ thông đã công bố	1.5-1.7 T
Số mức mật độ từ thông	2
Đặc tính	Suất tổn hao lõi · Cảm ứng từ

Đặc tính ở 50 Hz

Bảng 01 · Khung Epstein (IEC 60404-2:1996/A1:2008) · Không nêu là B hay J

Mật độ từ thông đỉnh (T)	Suất tổn hao lõi Giá trị tối đa bảo đảm · W/kg	Suất tổn hao lõi Giá trị điển hình · W/kg
1.5	0.85	0.83
1.7	1.30	1.23

Đặc tính ở 60 Hz

Bảng 02 · Khung Epstein (IEC 60404-2:1996/A1:2008) · Không nêu là B hay J

Mật độ từ thông đỉnh (T)	Suất tổn hao lõi Giá trị điển hình · W/kg
1.5	1.07
1.7	1.60

Đặc tính khác

Không công bố tần số riêng
Bảng 03 · Khung Epstein (IEC 60404-2:1996/A1:2008)

Cường độ từ trường (A/m)	Cảm ứng từ Giá trị tối thiểu bảo đảm · T	Cảm ứng từ Giá trị điển hình · T
800	1.80	1.88

Dấu gạch ngang biểu thị giá trị chưa được công bố.

Nguồn của nhà sản xuất và điều kiện thử nghiệm

Dùng số bảng và số dòng để tra cứu điều kiện thử nghiệm gốc.

Stalprodukt

Blachy elektrotechniczne / Grain Oriented Electrical Steel

Phiên bản Bochnia 2023 (printed, back cover) Tài liệu chính thức

Trang 6 của PDF · Bảng 01

CGO magnetic properties (W/kg) · Khung Epstein (IEC 60404-2:1996/A1:2008)

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Catalogue states 50 Hz Epstein tests use rolling-direction samples after stress relief annealing and 225°C aging for 24 h. Independent 60 Hz columns are printed; per-coil 60 Hz measurements are on request (catalogue p. 4). Flux basis in the loss table is unlabelled. 1.5 T / 50 Hz maximum requires agreement (p. 4).

Bảng 1 · Suất tổn hao lõi · Giá trị tối đa bảo đảm · W/kg · 1.5

Trang 6 của PDF · Bảng 01,02,03

CGO magnetic properties (W/kg) · Khung Epstein (IEC 60404-2:1996/A1:2008)

Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Catalogue states 50 Hz Epstein tests use rolling-direction samples after stress relief annealing and 225°C aging for 24 h. Independent 60 Hz columns are printed; per-coil 60 Hz measurements are on request (catalogue p. 4). Flux basis in the loss table is unlabelled.

Bảng 1 · Suất tổn hao lõi · Giá trị tối đa bảo đảm · W/kg · 1.7

Tổng hợp độc lập

Chenfan Electric tổng hợp độc lập từ dữ liệu công bố của các nhà sản xuất thép.

Tiêu chí nghiệm thu căn cứ vào thông số kỹ thuật của nhà sản xuất thép và điều khoản đặt hàng bằng văn bản. Giá trị điển hình và giá trị tham khảo dùng để đánh giá.

Dữ liệu thép dải dùng làm tham khảo kỹ thuật. Cần xác minh riêng tổn hao của lõi thành phẩm.

Phiên bản 2026-11-14.2